

Số: 430/QĐ-THPTCT

Cô Tô, ngày 31 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng
máy móc, thiết bị trong trường học từ năm học 2022 -2023**

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh Quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ thực trạng và yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị trong trường THPT Cô Tô từ năm học 2022-2023 thuộc phạm vi quản lý của nhà trường. (Chi tiết tại phụ lục 1,2 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng các tổ chức, Đoàn thể, Kế toán căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị sử dụng quy định tại Quyết định này để bàn giao quản lý, sử dụng, trang bị, mua sắm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm pháp luật, lãng phí, tiêu cực, thất thoát ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, Trưởng các tổ chức, Đoàn thể, Kế toán và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Hải Phòng**

Phụ lục 1: Định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nhà trường
(kèm theo Quyết định 430/QĐ-THPTCT ngày 31/10/2022 của trường THPT Cô Tô từ năm học 2022-2023)

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Định mức sử dụng (tối đa)	Ghi chú
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/5 lớp	Điều chỉnh định mức máy móc, thiết bị tại Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh
2	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ/Chiếc	01 bộ/5 lớp	
3	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ	01 bộ/5 lớp	
4	Máy chiếu vật thể	Chiếc	01 chiếc/5 lớp	
5	Máy in	Chiếc	02 chiếc/trường (điểm trường)	
6	Máy ảnh (hoặc Máy quay)	Chiếc	01 chiếc/trường (điểm trường)	
MÔN NGOẠI NGỮ				
I	Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)			
	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc	01 chiếc/PHBM	
	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Chiếc	01 chiếc/PHBM	
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Bộ học liệu điện tử	Bộ	01 bộ/GV	
II	Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2 - Được trang bị và lắp đặt trong một phòng học bộ môn Ngoại ngữ)			
	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc	01 chiếc/PHBM	
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Bộ học liệu điện tử	Bộ	01 bộ/GV	
	Thiết bị cho học sinh	Bộ	01 bộ/HS	
	Bộ máy vi tính để bàn	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Bộ	01 bộ/PHBM	
III	Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng có máy tính của học sinh (lựa chọn 3 -Được trang bị và lắp đặt trong một phòng học bộ môn Ngoại ngữ, hoặc có thể lắp đặt chung với phòng thực hành tin học)			
	Thiết bị dạy cho giáo viên	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Thiết bị cho học sinh	Bộ	01 bộ/HS	
	Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Chiếc	01 chiếc/PHBM	
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 chiếc/PHBM	

	Bộ học liệu điện tử	Bộ	01 bộ/GV	
	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT			
A	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa			
I	CÁC MÔN ĐIỂN KINH			
1	Nhảy cao			
	Đệm nhảy cao	Bộ (2 tấm)	02 bộ/trường (điểm trường)	
II	CÁC MÔN BÓNG			
1	Bóng đá			
	Cầu môn, lưới	Bộ	02 bộ/trường (điểm trường)	
2	Bóng rổ			
	Cột, bảng rổ	Bộ	02 bộ/trường (điểm trường)	
3	Bóng chuyền			
	Cột và lưới	Bộ	02 bộ/trường (điểm trường)	Điều chỉnh định mức thiết bị tại Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh
4	Bóng bàn			
	Bàn, lưới	Bộ	03 bộ/trường (điểm trường)	
5	Bóng ném			
	Cầu môn, lưới	Bộ	02 bộ/trường (điểm trường)	
III	CÁC MÔN THỂ THAO KHÁC			
1	Thể dục nhịp điệu			
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/GV	
2	Khiêu vũ thể thao			
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/GV	
3	Golf			
	Gậy Golf	Bộ	01 bộ/GV	
	MÔN VẬT LÝ			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
	Biến áp nguồn	Cái	07 cái/PHBM	Điều chỉnh định mức thiết bị tại Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh
	Bộ thu nhận số liệu	Bộ	02 bộ/PHBM	
	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	Bộ	07 bộ/PHBM	
	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	Bộ	01 bộ/GV	
	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ/chiếc	01 bộ/PHBM	

	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ	01 bộ/PHBM	
	MÔN HÓA HỌC			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
	Máy cất nước 1 lần	Cái	01 cái/PHBM	
	Tủ hút	Cái	01 cái/PHBM	
	Tủ đựng hóa chất	Cái	01 cái/PHBM	Điều chỉnh định mức máy móc, thiết bị tại Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh
	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Cái	01 cái/PHBM	
	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Hóa học	Bộ	01 bộ/GV	
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện	Bộ	02 bộ/PHBM	
	MÔN SINH HỌC			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
	Kính hiển vi	Cái	07 bộ/PHBM	
	Máy cất nước 1 lần	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Tủ hút	Cái	01 cái/PHBM	
	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01 cái/PHBM	
	Tủ bảo quản hóa chất	Cái	01 cái/PHBM	
	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Sinh học	Bộ	01 bộ/GV	
	Bộ thu nhận số liệu	Cái	01 cái/PHBM	
	MÔN CÔNG NGHỆ			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Dụng cụ đo các đại lượng không điện.	Bộ	02 bộ/PHBM	
	Bộ công cụ phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển.	Bộ	04 bộ/PHBM	
	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ	01 bộ/PHBM	
	MÔN TIN HỌC			
I	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC			
	Máy chủ	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	Bộ	01 bộ/HS	
	Máy in Laser	Chiếc	01 chiếc/PHBM	01
	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc	chiếc/PHBM	
	Máy hút bụi	Cái	01 cái/PHBM	
II	THIẾT BỊ THEO CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP			
1	DỤNG CỤ			
	Robot giáo dục	Bộ	07 bộ/PHBM	
	MÔN ÂM NHẠC			
I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu			

	Bộ trống Jazz	Bộ	01 bộ/GV	
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu, hoà âm			
	Electric keyboard (đàn phím điện tử) hoặc piano kỹ thuật	Cây	01 cây/GV	
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung			
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ	01 bộ/GV	
	MÔN MỸ THUẬT			
I	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ DÙNG CHUNG			
	Máy tính	Bộ	01 bộ/PHBM	
	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ	01 bộ/PHBM	
	MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM - HƯỚNG NGHIỆP			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên	Bộ	01 bộ/GV	

**Phụ lục 2: Quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị văn phòng
cho các chức danh và phòng làm việc của các chức danh**
(kèm theo Quyết định 430/QĐ-THPTCT ngày 31/10/2022 của trường THPT Cô Tô
từ năm học 2022-2023)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
A	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh và phòng làm việc của chức danh		
I	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng		
1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
	2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
	3. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
	4. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
2	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 01 phòng làm việc)		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	5
II	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của các chức danh Phó hiệu trưởng, CTCD, Đoàn thanh niên		
1	Máy móc, thiết bị văn phòng cho chức danh (tính cho 01 người)		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	3
	2. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
2	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 01 phòng làm việc), trừ các phòng quy định tại mục I, mục II phần B Phụ lục này.		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	5
	2. Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	3
	2. Máy in	01 chiếc	10
	3. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
B	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân		
I	Máy móc, thiết bị văn phòng tại phòng văn thư		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	5
	2. Tủ đựng tài liệu	03 chiếc	3
	3. Giá đựng công văn đi, đến	01 bộ	1
	4. Máy in	01 chiếc	10
	5. Máy photocopy	01 chiếc	60
	6. Máy fax	01 chiếc	7
	7. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
II	Phòng tiếp dân		
	1. Bộ bàn ghế	01 bộ	15
	2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	3
	3. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3

The first part of the report is a general introduction to the project. It describes the purpose of the study, the objectives, and the scope of the work. The second part of the report is a detailed description of the methodology used in the study. This includes a discussion of the data sources, the data collection methods, and the data analysis techniques. The third part of the report is a presentation of the results of the study. This includes a discussion of the findings, a comparison of the results with the objectives, and a discussion of the implications of the findings. The fourth part of the report is a conclusion and a list of references.

Tên công trình	Số hạng	Tên công trình
A	01	Công trình xây dựng nhà ở
1	01	Công trình xây dựng nhà ở
2	01	Công trình xây dựng nhà ở
3	01	Công trình xây dựng nhà ở
4	01	Công trình xây dựng nhà ở
5	01	Công trình xây dựng nhà ở
6	01	Công trình xây dựng nhà ở
7	01	Công trình xây dựng nhà ở
8	01	Công trình xây dựng nhà ở
9	01	Công trình xây dựng nhà ở
10	01	Công trình xây dựng nhà ở
11	01	Công trình xây dựng nhà ở
12	01	Công trình xây dựng nhà ở
13	01	Công trình xây dựng nhà ở
14	01	Công trình xây dựng nhà ở
15	01	Công trình xây dựng nhà ở
16	01	Công trình xây dựng nhà ở
17	01	Công trình xây dựng nhà ở
18	01	Công trình xây dựng nhà ở
19	01	Công trình xây dựng nhà ở
20	01	Công trình xây dựng nhà ở
21	01	Công trình xây dựng nhà ở